

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thu H, sinh năm 1989; nghề nghiệp: Giáo viên; đơn vị công tác: Trường THCS&THPT T, huyện H; căn cước công dân số: 015189000612 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/3/2021; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Mai Trọng H, sinh năm 1989; nghề nghiệp: Giáo viên; đơn vị công tác: Trường THCS&THPT T, huyện H; căn cước công dân số: 002089007152 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2023.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thu H và anh Mai Trọng H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thu H và anh Mai Trọng H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chưa có, không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: các bên đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nội dung tự thỏa thuận: đương sự có yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Triệu Thu H và anh Mai Trọng H trong quyết định của Tòa án, nội dung thỏa thuận như sau:

- Về đất và nhà ở: Chị Triệu Thu H được toàn quyền sử dụng, định đoạt thửa đất và nhà ở trên đất tại thôn Khu Chợ, xã T, huyện Hoàng Su Phì với tổng diện tích thửa đất là 126,0 m<sup>2</sup>, có các cạnh thửa như sau: Chiều rộng mặt tiền là 6,0 m, chiều dài là 21,0 m (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); diện tích ngôi nhà là 97 m<sup>2</sup> cùng các vật dụng trong nhà; chị Hà có trách nhiệm thanh toán công sức đóng góp xây dựng ngôi nhà cho anh Mai Trọng H số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán là ngày 15/9/2022.

- Về công nợ chung: Chị Triệu Thu H có trách nhiệm trả các khoản nợ kể cả lãi phát sinh (nếu có) kể từ ngày lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 17/6/2022 như sau:

+ Bà Mai Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Tân Thành 2, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Số tiền là 150.000.000 đồng.

+ Bà Triệu Thị H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Khu Chợ, xã Mai Sơn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Số tiền là 90.000.000 đồng.

+ Ông Văn Kim H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Nậm Lìn, xã T, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Số tiền là 28.000.000 đồng.

+ Anh Hoàng Văn C, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Hoàng Su Phì. Số tiền là 7.000.000 đồng.

+ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Hoàng Su Phì. Số tiền là 47.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4 Về án phí: Chị Triệu Thu H chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số 0008058, ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang. Chị H được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí chênh lệch.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Khuyên**